

CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI CỦA MALAYSIA

Trần Thế Vinh*

Từ đầu những năm 1970 Malaysia đã thực hiện chính sách đổi mới kinh tế bằng việc khởi xướng Chính sách kinh tế mới (NEP). Bước sang những năm 1990, Malaysia thực hiện Chính sách phát triển quốc gia (NDP), trong giai đoạn này tình hình kinh tế - xã hội của Malaysia được đánh giá là phát triển hơn bao giờ hết. Hiện nay Malaysia đang triển khai thực hiện Chính sách tầm nhìn quốc gia (NVP), giai đoạn 2001 – 2010.

Nhìn chung, từ đầu những năm 1990 đến nay, nhờ thực hiện tốt các bước đi trong “Tầm nhìn 2020”, nền kinh tế nước này đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao¹; môi trường chính trị tương đối ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Hiện nay Malaysia đã vươn lên là nước phát triển ở vị trí thứ hai trong khu vực, chỉ sau Singapore.

Mặc dù vậy, Malaysia hiện đang phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt lao động trong một số lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp.

Để khắc lấp cho sự thiếu hụt đó, ngay từ những năm đầu của thập kỷ 70 (thế kỷ XX), chính phủ Malaysia đã cho phép sử dụng lao động nhập cư. Trong những năm gần đây, mỗi một năm quốc gia Hồi giáo này cần đến 01 triệu lao động nước ngoài. Theo số liệu của Cục Thống kê Malaysia thì hiện có khoảng 2,1 triệu lao động nước ngoài đang làm việc hợp pháp tại Malaysia, chiếm hơn 8% dân số và 11,4% chỗ làm việc.

Lao động nước ngoài tại Malaysia tập trung chủ yếu ở các bang phía Tây, đặc biệt là ở Pahang, Kuala Lumpur và Selangor - trung tâm thương mại và công nghiệp của Malaysia; một số ít ở hai bang phía Đông: Sabah và Sarawak. Trong các năm từ 1998 – 2000, theo thống kê, có khoảng 70% lao động nước ngoài tập trung ở các bang phía Tây. Sáu nước mà Malaysia cho phép chính thức xuất khẩu lao động vào quốc gia này là Indonesia, Thailand, Myanmar, Nepal, Campuchia và Việt Nam². Nhưng trên thực tế, lao động của một số nước khác vẫn được đăng ký làm việc tại Malaysia như Bangladesh, Ấn Độ, Pakistan, Srilanka, Philippines....

Ở Malaysia, các khu vực kinh tế được phép thuê lao động nước ngoài gồm: trồng trọt (chủ yếu là trồng, thu hoạch, chế biến cao su và dầu cọ), xây dựng, công nghiệp (dệt may, gia công, điện tử, cơ khí...). Riêng lĩnh vực dịch vụ thì giới hạn ở những công việc như giúp việc gia đình, dịch vụ khách sạn, đầu bếp, phục vụ trong xây dựng.... Một số khu vực khác chỉ được tiếp nhận lao động nước ngoài lành nghề, kỹ thuật viên và chuyên gia (như lĩnh vực y tế chẳng hạn³).

Mặc dù nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài của Malaysia là rất lớn, có lĩnh vực gần như phụ thuộc hoàn

* Cựu SV khoa Đông Nam Á học, Khóa 2000 - 2004
HV Cao học, ngành Châu Á học, Trường ĐH. KHXH&NV Tp. HCM

¹ Năm 2004, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,1%, cao nhất kể từ năm 2000; GDP đạt 65,3 tỷ USD. Năm 2005, tốc độ tăng trưởng đạt 5,3%; GDP tăng lên 122 tỷ USD. [Nguồn: <http://www.apec.org>]

² XKLD Việt Nam đã bắt đầu khai thác thị trường Malaysia từ tháng 04/2002. Việt Nam và Malaysia cũng đã ký kết Bản Nghị nhớ về hợp tác lao động giữa hai nước vào ngày 01/12/2003. Theo Cục quản lý lao động nước ngoài (trực thuộc Bộ LĐ - TB&XH) thì hiện có 80.000 lao động Việt Nam đang làm việc tại Malaysia (số liệu tính đến tháng 06/2006), theo đó lao động Việt Nam chủ yếu làm việc trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo (chiếm 74,29%), lĩnh vực xây dựng cơ bản (24,87%), lĩnh vực nông nghiệp (0,84%).

³ Trước năm 1995, khi Việt Nam chưa gia nhập ASEAN, do thỏa thuận giữa Chính phủ hai nước đã có 24 nữ y tá Việt Nam sang làm việc tại các bệnh viện của Malaysia. Năm 1999, Việt Nam đã cung cấp 300 lượt người sang làm việc trên các tàu du lịch của tập đoàn Star Cruises - Malaysia (các tàu du lịch này hoạt động chủ yếu ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương).

toàn vào nguồn lao động nhập cư, nhưng chính phủ nước này vẫn rất khắt khe trong việc tiếp nhận lao động, đặc biệt là về mặt ý thức lao động, ý thức công dân. Vừa qua lao động của một số nước do không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, cộng thêm một số vụ lộn xộn gây thiệt hại cho nền kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự, an toàn xã hội của Malaysia nên đã bị trục xuất⁴. Malaysia cũng đã quyết định tạm đóng cửa đối với lao động của Indonesia, Campuchia, Myanmar và đóng cửa vô thời hạn đối với lao động Bangladesh. Hiện Bangladesh có khoảng 300.000 lao động đang làm việc ở thị trường này.

Nhằm tăng cường tính pháp lý và hiệu quả quản lý đối với lao động nhập cư, tháng 01/1992, Chính phủ Malaysia đã ban hành chính sách mới về tuyển dụng lao động nước ngoài dựa trên cơ sở của Luật Việc làm năm 1955. Chính sách mới quy định:

- Lao động nước ngoài đến làm việc tại Malaysia chỉ được cấp giấy phép có thời hạn 02 năm và có thể được gia hạn tối đa là 07 năm.

- Lao động nước ngoài đã từng làm việc ở Malaysia có thể được quay trở lại Malaysia làm việc khi đã về nước ít nhất 06 tháng.

- Lao động nước ngoài phải có chủ thuê và chỉ được làm công cho một chủ trong thời hạn hợp đồng đã ký với chủ đó còn hiệu lực.

- Lao động nước ngoài đến Malaysia không được mang theo gia đình, không chữa đẽ, không hoạt động công đoàn, công hội. Nếu vi phạm sẽ bị trục xuất và tự chịu chi phí về nước.

Chính sách mới cũng quy định việc tuyển dụng lao động nước ngoài đến Malaysia làm việc trong các ngành nghề khác nhau phải tuân theo các trình tự cụ thể:

- Đối với nghề giúp việc gia đình, Malaysia cho phép chủ sử dụng lao động thuê người giúp việc bằng hai cách: thông qua các cơ sở Dịch vụ việc làm (công ty môi giới) hoặc tự thuê lao động. Nếu lao động đáp ứng được yêu cầu thì bên thuê hoặc chủ sử dụng lao động phải làm Visa nhập cảnh cho người lao động mà mình thuê. Đồng thời chủ sử dụng lao động phải nộp đơn trực tiếp tới Cục Nhập cư và phải trực tiếp đến nước của người lao động mà họ sẽ thuê để tuyển dụng.

- Đối với lao động làm việc trong các lĩnh vực khác như: xây dựng, dịch vụ, sản xuất và trồng trọt... thì chủ sử dụng lao động có thể thuê lao động nước ngoài bằng cách nộp đơn trực tiếp đến Cục Nhập cư. Khi được Ủy ban chuyên môn chấp nhận, thì chủ sử dụng lao động có thể ủy quyền cho các công ty tuyển dụng lao động (hoặc công ty môi giới) ở Malaysia thực hiện.

Để có thể lựa chọn tốt lao động, thường thì đích thân chủ sử dụng lao động đến các quốc gia xuất khẩu lao động mà họ cần để nhờ các công ty tuyển dụng của các quốc gia này giúp đỡ. Việc tuyển dụng phải được tiến hành trong vòng một tháng, chi phí cho việc tuyển dụng thường từ 3.500 đến 6.500 ringgit (RM) tùy thuộc vào từng quốc gia có lao động đến Malaysia làm việc (tỷ giá quy đổi ở thời điểm đầu năm 2006 là 1 USD = 3,8RM). Khoản chi phí này bao gồm thuế việc làm hàng năm, phí xin giấy phép việc làm và visa, phí đưa lao động sang Malaysia, phí kiểm tra y tế và các chi phí phát sinh khác. Số chi phí này sẽ do các công ty tuyển dụng lao động chi trả.

Ở Malaysia, thông thường chủ sử dụng lao động giữ hộ chiếu của người lao động để đảm bảo không thất lạc hoặc tránh trường hợp người lao động bỏ trốn. Nếu người lao động bỏ trốn thì chủ sử dụng lao động sẽ phải thông báo ngay cho Cục Nhập cư.

Thông tin mới nhất từ Ban Quản lý lao động và chuyên gia Việt Nam tại Malaysia cho biết: kể từ ngày 1/3/2004, tất cả lao động nước ngoài đang làm việc tại Malaysia sẽ phải tham gia một khóa học bắt buộc⁵ (thời gian học là 02 tuần) với mục đích là nhằm hướng dẫn cho người lao động nước ngoài hiểu biết rõ hơn về luật pháp cũng như phong tục tập quán của Malaysia để họ có thể hòa nhập tốt hơn với cuộc sống ở quốc gia này. Sau khi kết thúc khóa học, người lao động sẽ được nhận một Chứng chỉ (do Hội đồng Đào tạo nghề quốc gia cấp) chứng nhận là đã

⁴Trong chiến dịch truy quét lao động nhập cư bất hợp pháp vào đầu năm 2006, Malaysia đã trục xuất 380.000 lao động nước ngoài, trong đó đông nhất phải kể đến lao động Indonesia.

⁵Chi phí cho khóa học này sẽ do chủ sử dụng lao động chi trả.

tham gia khóa học. Chỉ những lao động nước ngoài nào có Chứng chỉ này thì mới có thể được xem xét để gia hạn cho làm việc vào các năm tiếp theo.

Đối với lao động nước ngoài chuẩn bị sang làm việc tại Malaysia, chính phủ nước này yêu cầu các nước sở tại phải có trách nhiệm tổ chức đào tạo, giáo dục người lao động theo đúng các quy định như đã ký kết giữa hai Chính phủ trong “Thỏa thuận về tuyển dụng lao động sang làm việc tại Malaysia” trước khi những lao động này được xem xét cho phép sang làm việc tại quốc gia này.

Luật Lao động của Malaysia quy định lao động nước ngoài được đối xử công bằng như lao động bản xứ về tiền lương, các lợi ích và các nghĩa vụ khác. Cụ thể, họ cũng phải nộp thuế theo quy định của Cục Nhập cư, phải đóng góp vào Quỹ Bảo hiểm Xã hội và có quyền lựa chọn hình thức trong việc đóng góp vào Quỹ Dự phòng quốc gia (EPF).

Như vậy, về mặt chính sách, chính phủ Malaysia tôn trọng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho lao động nhập cư. Lao động nước ngoài được đối xử công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ như lao động bản xứ.

Tóm lại, cùng với nguồn nhân lực trong nước, lao động nước ngoài đã và đang có những đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Malaysia. Tuy nhiên, Malaysia xem việc sử dụng lao động nước ngoài chỉ là giải pháp tạm thời. Về lâu dài, chính phủ nước này đang triển khai các chiến lược dài hạn nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhân công bằng việc đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, phát triển khoa học công nghệ, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ các ngành sử dụng nhiều nhân công sang các ngành thâm dụng hàm lượng chất xám và trình độ khoa học công nghệ, kỹ thuật cao nhằm biến Malaysia thành một nước công nghiệp phát triển vào năm 2020. Mục tiêu này đã được thể chế hóa trong Chính sách phát triển quốc gia (NDP) và Chính sách tầm nhìn quốc gia (NVP) 2001 - 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Bấy, *Tìm hiểu pháp luật về xuất khẩu lao động*, Nxb. CTQG, Hà Nội – 2003
2. Bộ LĐ – TB & XH, *Cục quản lý lao động nước ngoài, Báo cáo kết quả công tác tại Malaysia từ ngày 2-9/3/2004*
3. Nguyễn Thu Mỹ (cb), *Chiến lược phát triển của các nước Đông Nam Á*, khoa Đông Nam Á học, ĐH. Mở Bán Công Tp. Hồ Chí Minh, 2002.
4. Trần Thế Vinh, *Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu lao động Việt Nam sang Malaysia*, đề tài đạt giải nhì, giải thưởng SV NCKH cấp bộ năm 2004.
5. Phan Thị Hồng Xuân, *Cộng đồng người nhập cư và mối quan hệ tộc người ở liên bang Malaysia*, Luận án Tiến sĩ sử học (cấp cơ sở), ngành Dân tộc học, trường ĐH. KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh, 2006.